

## Phẩm Thứ 8: TỔNG TRÌ

**Luận chép:** Trong này giải quyết nghi ngờ trong các phẩm trước, nắm giữ toàn bộ nghĩa lý chính yếu mà không quên mất cho nên thuận theo điều đã làm gọi là Tổng Trì. Lại, Địa Tạng Bồ-tát đã đạt được Văn nghĩa Đà-la-ni, nắm giữ toàn bộ văn nghĩa vốn có trong các phẩm và ghi nhớ mới khởi lên nghi của đại chúng mà lần lượt phát ra câu hỏi khéo léo giải quyết các nghi ngờ, vì thế thuận theo người chủ động thưa hỏi (năng vấn) gọi là Tổng Trì.

Kinh: “Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát tùng chúng trung khởi chí vụ Phật tiền hợp chưởng hồ quỳ nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Ngã quán đại chúng tâm hữu nghi sự do vị đắc quyết tâm hữu nghi sự do vị đắc quyết, kim giả Như-lai dục vị trừ nghi, ngã kim vị chúng tùy nghi sở vấn, nguyện Phật từ bi thùy ai thích hứa! Phật ngôn: Bồ-tát ma-ha-tát! Nhữ năng thị cứu độ chúng sanh thị đại bi mẫn không thể nghĩ bàn, nhữ đương quảng vấn vị nhữ giảng nói”. Lúc ấy, Bồ-tát Địa Tạng từ giữa chúng hội đứng lên đến trước Đức Phật chấp tay quỳ gối mà thưa Đức Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Con quán xét tâm đại chúng có điều nghi ngờ trừ diệt, nay con vì hội chúng tùy theo nghi ngờ chưa thưa hỏi, nguyện xin Đức Phật từ bi rủ lòng thương xót xem xét đồng ý! Đức Phật nói: Này Đại Bồ-tát! Ông có thể như vậy cứu độ chúng sanh là rất thương xót không thể nghĩ bàn, ông nên hỏi rộng ra Ta sẽ vì ông giảng nói.

**Luận chép:** Nội dung Chánh nói toàn phần có hai: Nói riêng về quán hành đã xong ở trước. Từ đây về sau là phần thứ hai giải quyết toàn bộ các nghi ngờ, theo vào văn có bốn: 1. Thỉnh cầu; 2. Đồng ý; 3. Giải quyết; 4. Lĩnh ngộ. Ở đây thưa hỏi cùng với trả lời là phần thỉnh cầu và đồng ý. Người chủ động thỉnh cầu (năng thỉnh) này hiệu gọi Địa Tạng, là người đã đạt được Đồng Thể Đại Bi, sinh ra và nuôi lớn gốc lành cho tất cả chúng sanh, giống như mặt đất sanh ra các loại cỏ cây, dùng Đà-la-ni nắm giữ các công đức, làm thuận lợi cho tất cả mà không cùng tận, như kho báu không dùng hết. Căn cứ vào hai nghĩa này gọi là Địa Tạng. Nay trong phẩm này giải quyết những nghi ngờ sanh ra tín hiểu. Nêu ra các thứ báu giải quyết dứt trừ để giúp cho mọi người cầu pháp. Nghĩa thích hợp tên gọi đó cho nên chủ động thỉnh cầu thưa hỏi (năng thỉnh vấn).

Kinh: “Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Nhất thiết chư pháp vân hà bất duyên sanh? Nhĩ thời Như-lai dục tuyên thử nghĩa nhi nói kệ ngôn: Nhược pháp duyên sở sanh, ly duyên khả vô pháp, vân hà pháp tánh vô,

nhi duyên khả sanh pháp?”. Địa Tạng Bồ-tát chép: Tất cả các pháp vì sao không từ duyên sanh? Lúc bấy giờ Đức Như-lai muốn nói ra nghĩa này liền nói kệ: Nếu pháp từ duyên sanh, lìa duyên hẳn không có pháp vì sao pháp tánh không có, mà duyên có thể sanh pháp?

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ ba giải quyết nghi ngờ. Trong đó có hai: 1. Sáu phẩm sáu nghi ngờ trở lại lần lượt mà giải quyết; 2. Một phẩm ba nghi ngờ thuận theo thứ tự mà xả bỏ. Trong phần đầu cũng có hai: 1. Giải quyết riêng: Tổng hợp xác định. Đầu tiên trong phần giải quyết riêng - giải quyết riêng biệt sáu nghi ngờ, từ sau đến trước dần dần lùi lại mà giải quyết. Nay ở đây hỏi và trả lời giải quyết nghi ngờ khởi lên trong phẩm Như-lai-tạng. Phẩm kia nói “Nhân duyên không có bất sanh, bất sanh nên bất diệt”, trong đó chấp có chủ thể sanh (năng sanh) nhân duyên mà nghi ngờ quả đó sao không từ duyên sanh ra? Vì thế thừa dịp nghi ngờ kia để hỏi về duyên sanh. Như-lai nói một tụng chính là giải quyết nghi ngờ này. Trong đó nữa trên xác định cái chấp vốn có kia nữa dưới thừa dịp kia phá bỏ duyên sanh đó. Ý này chính thức lập ra duyên bất sanh ra pháp vì hướng về pháp vô giống như hướng về sừng thỏ. Căn cứ vào tỉ lượng giải quyết nghi ngờ kia.

Kinh: “Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Pháp nhược vô sanh vân hà nói pháp pháp tùng tâm sanh? Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Thị tâm sở sanh pháp, thị pháp năng sở thủ, như túy nhãn không hoa thị pháp nhiên phi bỉ”. Lúc ấy Địa Tạng Bồ-tát chép: Pháp nếu bất sanh ra vì sao nói pháp, pháp từ tâm sanh ra? Ngay sau đó Đức Thế Tôn liền nói kệ: Tâm này vốn sanh ra pháp, là pháp từ năng thủ sở thủ, như mắt say thấy hoa Không, pháp này như vậy không phải kia.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai giải quyết nghi ngờ khởi lên trong phẩm chân Tánh Không. Phẩm kia chép: “Ta nói pháp ấy là vì ông, chúng sanh còn ở nơi sanh khởi mà nói, cho nên nói pháp”. Dựa theo điều này nghi ngờ: Nếu dựa vào văn kia thì Đức Phật có nói pháp, pháp đã nói đó từ tâm Phật sanh ra, vì sao lại nói pháp không có sanh ra vậy? Để xả bỏ nghi ngờ này thì có hai lần: 1. Trực tiếp xả bỏ; 2. Trở lại giải quyết. Đây chính là trực tiếp xả bỏ. Chép: Tâm này vốn sanh ra pháp là pháp từ năng sở thủ: Là nay ông vốn nghĩ rằng tâm đã sanh ra pháp, dứt khót là vọng tâm năng thủ - sở thủ, như say rượu thì mắt nhìn thấy những hoa đốm. Pháp này cũng vậy, chẳng phải pháp kia: Là ông vốn nghĩ rằng tâm đã sanh ra pháp như hoa đốm, pháp này cũng như thế, chẳng phải pháp đã nói kia, giống như ông đã nghĩ rằng sanh ra. Ý này chính là nói pháp không mà ông chấp không hề vốn có là sở

thủ cho nên giống như hoa giữa hư không. Pháp Ta đã nói là dứt danh ngôn, không còn suy nghĩ, sở thủ, năng thủ, đều không thể nói.

Kinh: “Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Pháp nhược như thị, pháp tức vô đãi, vô đãi chi pháp ưng tự thành. Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Pháp bốn vô hữu vô, tự tha diệc phục nhĩ, bất thủy diệc bất chung, thành bại tức bất tại”. Bấy giờ, Bồ-tát Địa Tạng chép: “Nếu Pháp như thế thì không có đối đãi, pháp không đối đãi thì nên tự thành tựu”. Lúc ấy, Thế Tôn bèn nói kệ: “Pháp vốn không Hữu, Vô, Tự, Tha cũng như vậy, không thủy cũng không chung, thành bại liền chẳng trụ”.

**Luận chép:** Đây là lần hai giải quyết nghi. Có hai, trước hỏi sau đáp. Ý hỏi: Nếu các pháp từ ngôn giáo của Phật nói ra không phải sở thủ nên không như hoa đốm ở hư không, cuối cùng không có thì chính tức là pháp này nên tự nhiên thành, vì không có đối đãi, cũng như chân như. Để giải quyết nghi này nên Phật nói kệ. Ý nói kệ: Pháp của Ta nói dứt danh ngôn, vốn không hề có-Hữu-Vô-Tự-Tha-trước sau-hoặc là thành - hoặc là bại tức là không thể an trụ, vì sao có thể nói tự nhiên thành tựu vậy? Là hiển bày người kia vì có sai lầm trái ngược nhau, nói là pháp không có thành bại, vì không có đối đãi, như không có sở thủ, lại như Chân Như. Do đạo lý này người kia chất vấn không được, chất vấn không được cho nên những nghi ngờ được giải quyết.

Kinh: “Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Nhất thiết chư pháp tướng tức bốn Niết-bàn, Niết-bàn cập không tướng diệc như thị, vô thị đẳng pháp, thị pháp ưng như. Phật ngôn: vô như thị pháp, thị pháp thị như”. Lúc ấy Địa Tạng Bồ-tát chép: tất cả các pháp tướng chính là vốn có Niết-bàn, Niết-bàn và tướng Không cũng như thế, không có các pháp này, pháp này thuận theo Như. Đức Phật nói: Không có pháp như vậy, pháp này là Như.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ ba giải quyết nghi ngờ khởi lên trong phẩm Nhập Thật Tế. Phẩm kia nói “Đại Lực Bồ-tát chép: Tâm tướng chúng sanh, tướng cũng Như-lai, tâm của chúng sanh phải không có biệt cảnh. Đức Phật nói: Tâm của chúng sanh như thế, thật sự không có biệt cảnh. Vì sao? Vì tâm vốn tịnh, lý không có uesthiêm”. Căn cứ vào văn này dấy lên ý niệm này chép: Tâm vốn thanh tịnh chính là Như lý, xưa nay thanh tịnh tự tánh là Niết-bàn, nếu giả sử Niết-bàn cũng trống rỗng không có, thì phải là tà không có (tà vô) không thể là Như lý. Để xả bỏ nghi ngờ này cho nên nói đều là Như. Ngay nơi văn có bốn: 1. Thừa hỏi; 2. Đồng ý; 3. Lĩnh ngộ; 4. Nói về. Đầu là thừa hỏi ý chép: Nếu theo nghĩa Không, thì tất cả các pháp tướng chính là xưa nay

thanh tịnh là Niết-bàn. Lại dung hợp Niết-bàn và tướng Không đó, tức là không có sai khác giữa Niết-bàn và Không, là pháp cùng một vị, là pháp thuận với Như. Trái với người kia đã chấp cho nên dấy lên câu hỏi này. Thứ hai trong phần trả lời đồng ý với Như đã hỏi.

Kinh: “Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Bất khả tư nghị! Như thị như tướng phi cộng bất cộng, ý thủ nghiệp thủ tức giai vắng lặng, tâm vắng lặng pháp câu bất câu thủ diệc ứng vắng lặng”. Địa Tạng Bồ-tát chép: Không thể nghĩ bàn! Như vậy tướng Như không phải giống nhau - không thể giống nhau, ý giữ lấy - nghiệp giữ lấy thì đều là không vắng lặng, tâm pháp là không vắng lặng đều giữ lấy hay không đều giữ lấy cũng tùy theo vắng lặng.

**Luận chép:** Đây là phần thứ ba lĩnh ngộ hiểu rõ. Để gạt chế phục chất vấn, lại nghe trước nói dấy lên chất vấn này chép: Xưa nay Niết-bàn đã là Nhất Như, nếu dung hợp Niết-bàn và tướng Không đó là Như thứ hai. Như vậy hai Như là giống nhau hay không giống nhau? Nếu nói giống nhau (cộng) thì không phải Như lý, vì có hai thứ song song. Nếu không giống nhau thì tức là không thể không nữa, vì chỉ có một Như. Để xả bỏ chất vấn này cho nên nói Phi cộng bất cộng. Phi cộng: Là vì không có hai Như. Phi bất cộng: Là vì có hai xả bỏ. Cái xả bỏ tuy là hai mà nơi xả bỏ không có hai, do đó người kia đã chất vấn đều không thuận theo lý. “Ý giữ lấy nghiệp giữ lấy tức đều vắng lặng: Là hiển bày hai cái xả bỏ, nơi xả bỏ không có hai. Nói Ý thủ: Đã gọi là Niết-bàn, vì duyên với những gì giữ lấy (sở thủ) của tâm vắng lặng. Nói Nghiệp thủ: Tức là sanh tử, vì đã giữ lấy các nghiệp của phiền não. Hai thứ này đều là không, vắng lặng không có hai. Tâm pháp vắng lặng đều hoặc không đều giữ lấy cũng tùy theo vắng lặng”: Là nói về một tâm pháp cũng không giữ lại một, sanh tử Niết-bàn là không vắng lặng không có hai, không có hai nơi là một tâm pháp, dựa vào một tâm pháp có hai thứ môn, nhưng đều giữ lấy hai môn tức là không đạt được tâm vì hai đạt được một. Nếu phế bỏ hai môn không đều mà giữ lấy cũng không đạt được tâm vì không có gì không phải tâm. Do nghĩa này cho nên có hai tâm pháp đều giữ lấy hay không cùng giữ lấy lẽ ra đều vắng lặng.

Kinh: “U thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Nhất thiết vắng lặng pháp thị pháp tịch bất không, bỉ tâm bất không thời, thị đắc tâm bất hữu”. Ngay sau đó Đức Thế Tôn lại nói kệ: Tất cả các pháp Vắng lặng, là pháp tịch mà chẳng Không, lúc tâm kia không thể Không, là đạt được tâm không có.

**Luận chép:** Đây là phần thứ tư Như-lai nói về thành tựu. Tất cả

pháp vắng lặng: Pháp của Sanh tử - Niết-bàn tất cả đều là không vắng lặng. Là pháp tịch chẳng không: Tâm - pháp không có hai vì không phải hoàn toàn không có pháp, tuy không phải là không có pháp mà không thể là có. Vì thế cho nên lúc hiểu rõ tâm không thể là Không, là lúc có thể biết tâm chẳng thể có. Vì lẽ đó trước đây nói “Đều, không, đều giữ lấy, đều tùy theo vắng lặng” ấy không trái với đạo lý vậy.

Kinh: “Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Thị pháp phi tam đế, sắc không tâm diệt diệt, thị pháp bốn diệt thời, thị pháp ứng thị diệt. Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Pháp bốn vô tự tánh, do bỉ chi sở sanh, bất ư như thị xứ, nhi hữu bỉ như thị”. Lúc bấy giờ Địa Tạng Bồ-tát chép: Pháp này không phải ba đế, sắc - không - tâm cũng diệt mất, lúc pháp vốn có này diệt mất, pháp này thuận theo vậy diệt đi. Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ: Pháp vốn không có tự tánh, do kia mà được sanh ra, không ở tại nơi như vậy, mà có nơi kia như thế.

**Luận chép:** Đây là phần thứ tư giải quyết nghi ngờ khởi lên trong phẩm Bốn Giác Lợi. Phẩm kia chép: “Bồ-tát Vô Trụ chép: Tất cả cảnh không, tất cả thân không, tất cả thức không. Giác cũng nên không. Phật dạy: Nhất giác có thể vậy, vì tánh quyết định không hủy, không hoại, không phải không, không phải chẳng thể không, chẳng có không, chẳng thể không”. Căn cứ vào văn nói về này, đối với nơi kia sanh ra nghi ngờ: Nếu một tâm này cũng không thể là có cho nên vắng lặng, thì tại vì sao trước đây nói một Giác không thể hủy hoại do đó không giống như Không của sắc tâm kia. Nay nhân tiện nghi ngờ này cho nên dấy lên câu hỏi này. Pháp này không phải ba đế: Tức là tụng trước nói, là một tâm pháp chẳng phải Sắc- tâm - Không cho nên chẳng phải ba đế. Nhưng ba Đế môn sơ lược có ba thứ: 1. Sắc đế tâm đế Đệ nhất nghĩa đế; 2. Hữu đế Vô Đế và Trung đạo đệ nhất nghĩa đế; 3. Như trong phẩm này văn sau đã nói. Nay ý câu hỏi này tạm thời dựa vào môn thứ nhất. Sắc, không, tâm cũng diệt: Vì pháp này đã không phải ba đế thân nhiếp, Sắc tướng vốn không thì tâm cũng vắng lặng, lúc sắc tâm và pháp vốn có này vắng lặng thì một tâm pháp cũng thuận theo đồng vắng lặng; chính là kệ trước đây chép: “Vì tâm không có”. Tức là trước đây nói chẳng giống Không ấy, chỉ là bàn luận giả dối. Như vậy nghi ngờ ngay trong tụng đối chiếu ở đây nói về sự bất đồng đó. Pháp vốn không tự tánh: Là pháp của Sắc tâm vốn không có tự tánh. Do kia mà được sanh ra: Là do tâm của Bốn Giác kia sanh ra. Những sắc tâm sanh ra là tướng sai khác, tâm Bốn Giác kia là tướng là tánh, không thể ở nơi sai khác như thế mà có như một Giác là tướng kia. Vì thế cho nên lúc tướng sai khác của

Sắc tâm này Không thì không thể nào cùng xả bỏ là tướng một Giác. Do đạo lý này nên trước đây không phải luận nói lưỡng đối.

Kinh: “Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Nhất thiết chư pháp vô sanh vô diệt, vân hà bất nhất? Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Pháp trụ xứ vô tại, tướng số không cố vô, danh nói nhị dữ pháp, thị tức năng sở thủ”. Lúc ấy Địa Tạng Bồ-tát chép: Tất cả các pháp bất sanh ra không diệt đi, vì sao không thể là một? Thế là Đức Thế Tôn liền nói kệ: Pháp trụ và xứ không còn, tướng số không nên không có, danh nói hai cùng với pháp, là chính năng thủ sở thủ.

**Luận chép:** Đây là phần thứ năm giải quyết nghi ngờ khởi lên trong phẩm Vô sanh hạnh. Phẩm kia nói “Duyên khởi chẳng phải sanh, duyên dứt chẳng phải diệt, ở nơi có không có, không thấy chỗ sở trụ, bởi ví tánh quyết định, tánh thị quyết định này, chẳng thể là một là khác”. Có căn cứ vào văn kia mà khởi lên nghi ngờ: Các pháp Sắc tâm không có sanh ra - không có diệt đi, tức là Thật tánh quyết định bình đẳng, đây chính là về chiều ngang không có sự sai khác của Sắc tâm, về chiều dọc không có sự phân biệt của sanh diệt, không có sai khác - không có phân biệt, phải là một vị, không khác nhau có thể như thế vì sao không thể là một? Đối chiếu trong tụng bây giờ nói về nghĩa “không thể là một”. Pháp trụ xứ không còn: Vì các pháp an trụ và nơi vốn an trụ đều không vốn có. Tướng số không nên không có: Những tướng Sắc tâm - những số nhất dị thấy đều trống rỗng cho nên không có. Tướng và số đã không có, sao có thể có một. Lại không có Sắc cho nên chính là không có tâm tướng. Đã không phải khác nhau, thì như thế nào là một mà lại có hai của danh nói? Cho đến có pháp đã nói ấy, đây chính là năng thủ vọng tâm sở thủ chẳng phải Như thật nghĩa, có Một là hai thứ. Nói Danh thuyết Danh là giải thích về Dụng, ý thức vốn giữ lấy. Nói là âm thanh lời nói, nhĩ thức vốn hiểu rõ. Nếu nói là một tức là có hai thứ này, trong đó cũng có pháp của sở thuyên. Những số như vậy vọng tâm vốn giữ lấy, không phải thật nghĩa kia, có số như vậy, vì sao trong đó còn một vị?

Kinh: “Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Nhất thiết chư pháp tướng, Bất trụ ư nhị ngạn, diệt bất trụ trung lưu, tâm thức diệt như thị, vân hà chư cảnh giới, từng thức chi sở sanh? Nhược thức năng hữu sanh, thị thức diệt từng sanh, vân hà vô sanh thức năng sanh hữu sở sanh? Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Sở sanh năng sanh nhị, thị nhị năng sở duyên, câu bổn danh tự vô, thủ hữu không hoa huyễn, thức sanh ư vị thời, cảnh bất thị thời sanh, ư cảnh sanh vị thời, thị thời thức diệt diệt, bỉ tức bổn câu

vô, diệt bất hữu vô hữu, vô sanh thức diệt vô, vân hà cảnh tùng hữu?”. Lúc ấy Địa Tạng Bồ-tát chép: Tướng tất cả các pháp, không trụ vào hai bờ, cũng không trụ vào giữa dòng, tâm thức cũng như vậy, vì sao các cảnh giới từ Thức sanh ra? Nếu Thức có thể sanh ra, thì Thức cũng thuận theo sanh ra, vì sao bất sanh ra thức mà lại sanh các hữu sở sanh? Ngay lúc đó Đức Thế Tôn liền nói kệ: Hai Thức năng sanh sở sanh, chính là hai duyên năng sở, đều vốn không có tên gọi, lấy có hoa đốm hư không, Thức sanh ở tại lúc sau, cảnh bất sanh ra lúc này, bởi lúc cảnh sanh chưa có, lúc này Thức cũng diệt mất, chính vốn có kia đều không, cũng chẳng thể có - không cái có. Bất sanh ra thức cũng không, vì sao cảnh thuận theo có?

**Luận chép:** Đây là phần thứ sáu giải quyết nghi ngờ khởi lên trong phẩm Vô Tướng pháp. Phẩm kia chép: “Thế nào là tướng suy nghĩ sanh diệt? Phật dạy: Theo ý không có không thể. Nếu không thể tức là sanh các niệm, thì ngàn muôn nghĩ suy là tướng sanh diệt”. Nay dựa vào sau này nói trở lại nghi ngờ vẫn kia. Nếu Thức có thể sanh ra, cảnh không thể, cảnh tướng trở lại sanh ra thức của các niệm tức là tâm thức. Có sanh ra có diệt, vì sao nói không trụ vào hai bờ? Nếu các tâm thức bất sanh ra không diệt đi, vì sao các Thức có thể sanh ra cảnh giới? Thừa dịp nghi ngờ như vậy nêu lên câu hỏi như vậy. Không trụ ở hai bờ: Là vì không có sanh ra - không có diệt đi. Không trụ ở giữa dòng: Vì mà không phải là một (nhi bất thị nhất). Tâm thức đã như thế không có sanh ra không có diệt đi, vì sao những gì sanh ra có thể từ thức mà không thể là cảnh giới vậy? Nếu Thức có thể sanh ra cảnh thì Thức cũng từ cảnh sanh ra? Vì sao bất sanh thức, mà có thể sanh hữu sở sanh? Vì xả bỏ nghi ngờ này cho nên nói ra ba bài tụng. Văn của ba tụng thì phân định thành hai: Một tụng đầu chỉ ra đạo lý đó, hai tụng sau phá trừ cái chấp tướng sanh. Trong phần đầu nói “Là hai năng sở duyên”: Nghĩa là ông vốn nghĩ rằng Thức là năng sanh, Cảnh là sở sanh, dứt khót là vọng lấy năng duyên sở duyên đều là xưa nay chỉ có tên gọi mà không có tự Thể. Nếu giữ lấy làm có thì như giữ lấy hoa đốm hư không và giữ lấy hình tượng huyễn ảo để làm thật có. Vì thế cho nên không khác với không có sanh ra không có diệt đi. Trong phần sau phá trừ nói “Thức sanh ư vị thời - cảnh bất vị thời sanh” là nói về lúc Thức năng sanh chưa có - cảnh giới sanh lúc ấy không thể sanh. Lúc cảnh sanh chưa có, thời này thức cũng diệt: Là nói về lúc cảnh năng sanh chưa có thì Thức sở sanh đó vào lúc này cũng diệt đi. Diệt ấy là vắng lặng, nghĩa là xưa nay không có vậy. Chính vốn kia đều không, cũng chẳng thể có, không

cái có: Là hai năng sanh kia xưa nay đều không có, đã không có năng sanh cũng không thể làm cho có, cho nên nói chẳng thể có, không thể làm cho có vì vậy thời gian sau không có sanh ra, cho nên nói là không cái có. Không có sanh thức cũng không: Nghĩa đã không có sanh ra, sao có thể có Thức? Thức không có cho nên cảnh không thuận theo mà có. Trong này chính là có hai thứ tỉ lượng: 1. Thức bất sanh, vì không có năng sanh, như đối với hạt giống cháy; 2. Cảnh bất khởi, vì không có nơi thuận theo, như thuận theo lông rùa. Sáu phần trên đây giải quyết riêng về nghi ngờ đã hoàn tất.

Kinh: “Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Pháp tướng như thị nội ngoại câu không, cảnh trí nhị chúng bốn lai vắng lặng, Như-lai sở nói thật tướng chân không, như thị chi pháp tức phi tập dã”. Lúc bấy giờ Địa Tạng Bồ-tát chép: Pháp tướng như vậy trong ngoài đều vắng lặng cảnh-trí hai chúng xưa nay vắng lặng, thật tướng chân Không Như-lai đã nói, pháp như vậy chính là không phải Tập.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai xác định chung những điều đã nói. Xác định chung sáu phần giải quyết không phải bệnh mà là thuốc. Trong đó có hai: Trước là xác định không phải bệnh sau xác định là thuốc. Trong phần đầu cũng có hai: Xét kỹ câu hỏi - xác định đồng ý. Trong phần Hỏi nói “Pháp tướng như thị”: Chung lĩnh hội sáu phần pháp tướng giảng nói trước đây. Nói Nội ngoại: Là Thức bên trong - Cảnh bên ngoài. Nói Nhị chúng: Là vì cảnh - trí rất nhiều. Nói Phi tập: Vì không phải tại họa nhóm hợp sanh tử tạp nhiễm, vì không giống như ác nghiệp giữ lấy Không trở lại nhóm hợp các tai họa.

Kinh: “Phật ngôn: Như thị! Như thật chi pháp vô sắc vô trụ, không phải sở tập phi năng tập, phi nghĩa phi đại, nhất bốn khoa pháp tâm công đức tụ”. Đức Phật nói: Đúng vậy! Pháp như thật không có sắc không an trụ, không phải sở tập - không phải năng tập, không phải nghĩa - không phải Đại, khoa pháp của một Bốn giác quy tụ công đức sâu thẳm.

**Luận chép:** Đây là Như-lai xác định đồng ý. Nói vô sắc: Là vì không phát sanh căn bệnh mê đắm vào có. Vô trụ: Là vì cũng lìa bỏ tại họa tệ hại giữ lấy Không. Không phải sở tập: Vì Khổ đế là không. Chẳng phải năng tập: Vì tập đế là không. Chẳng phải nghĩa: Vì lìa bỏ nghĩa sai khác về các ấm giới. Không phải đại: Vì lìa bỏ tướng năng tạo của địa - thủy v.v... Khoa pháp của một bốn: Là một Bốn Giác, lấy đây làm gốc rễ thường sanh ra các hành và các công đức. Nhưng Khoa có hai thứ: 1. Khoa về tạp nhiễm, nghĩa là các Thức căn bản, nghĩa như trên đã nói; 2. Khoa về thuần tịnh,



nghĩa là một Bốn giác, như văn này nói. Trong Thức căn bản kia chứa nhóm tất cả hạt giống tạp nhiễm. Trong Bốn Giác này chỉ có tánh sâu thăm quy tụ công đức. Lìa bỏ tướng lìa bỏ tánh nên gọi là sâu thăm, vượt quá hằng sa số cho nên gọi là nhóm.

Kinh: “Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Bất khả tư nghị, bất tư nghị tụ, thất ngũ bất sanh, bất lục vắng lặng, cửu tướng không vô, hữu không vô hữu, vô không vô hữu, như tôn sở nói pháp nghĩa giai không, nhập không vô hành bất thất chư nghiệp, vô ngã ngã sở năng sở thân kiến, nội ngoại kết sử tất giai vắng lặng, cố nguyện diệc tức, như thị lý quán tuệ định chân như, tôn giả thường nói thật như không pháp tức lương được dã”. Địa Tạng Bồ-tát chép: Không thể nghĩ bàn, không nghĩ bàn được Tụ, Thức thứ bảy và năm Thức bất sanh khởi, Thức thứ tám và Thức thứ sáu vắng lặng, tướng Thức thứ chín vắng lặng không có, có là không mà không còn có, không có là không lại không còn có nữa, như Đức Thế Tôn đã nói pháp nghĩa đều vắng lặng, nhập vào vắng lặng không có hành không mất các nghiệp, không có Ngã và Ngã sở - năng sở thân kiến, kết sử trong ngoài thấy đều vắng lặng, nguyện trước đây cũng dứt bật, chân như tuệ định lý quán như vậy, Đức Thế Tôn thường nói Như - Không pháp này chính là thuốc hay.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai xác định là Thuốc. Trong đó cũng có hai: Trước là Bồ-tát kỹ lưỡng thưa hỏi, trong thưa hỏi có ba: 1. Lĩnh ngộ gom nhóm công đức sâu thăm ở trước; 2. Thưa dịp hiển bày đi sâu vào lý quán; 3. Thưa hỏi Kỹ lưỡng về thắng đức của vị thuốc hay. Trong phần đầu cũng có ba: Tổng hợp nêu lên - Hiển bày riêng - Sau trở lại kết luận chung. Bất tư nghị tụ: Là nêu chung công đức lìa bỏ tướng - lìa bỏ tánh. Trong phần hiển bày riêng trước là nói về lìa bỏ tướng - sau là hiển rõ về lìa bỏ tánh. Trong đầu tiên nói Thất ngũ bất sanh: Là hợp lại nói về Không của hai thứ Mạt Thức thường trong Hành thức thì Thức thứ bảy là cuối cùng, không thường trong Hành thức thì năm Thức là cuối cùng. Bất lục vắng lặng: Là hợp lại nói về Tịch của hai thứ Bốn Thức. Thường trong Hành thức thì Thức thứ tám là căn bản, không thường trong Hành thức thì Thức thứ sáu là căn bản. Kế đến hiển rõ về lìa bỏ tánh. Cửu tướng không vô: Vì tướng Thức thứ chín cũng không giữ theo tánh. Hữu không vô hữu: Là tiếp tục thành tựu lìa bỏ tướng, pháp có tướng của tám Thức không hề có gì. Vô không hề có gì: Là tiếp tục thành tựu lìa bỏ tánh, tánh vô tướng của chín Thức không hề có gì cho nên một tâm như vậy lìa bỏ tướng- lìa bỏ tánh, tức là quy tụ vô lượng vô đức, như vậy gọi là Bất tư nghị tụ. Như Thế Tôn nói pháp

nghĩa đều không: Là phần thứ ba tổng kết về lìa tướng lìa tánh vậy. Kế đến nói về lý quán, trong đó có hai: Riêng trình bày - Tổng kết. Trong phần riêng trình bày thì có ba câu: Nhập không vô hành không mất các nghiệp ấy là Không Tam-muội, nghĩa là lý quán nhập vào Không mà không có hành của năng sở, tuy không có năng sở mà không mất đi các nghiệp về sáu độ. Kế là nói về Vô tướng Tam-muội. Không có ngã, ngã sở năng sở thân kiến: Là lìa bỏ các tướng phiền não thuộc về Kiến, vì lìa bỏ tướng Ngã - Ngã sở và tướng năng kiến- sở kiến. Nội ngoại kết sử thấy đều vắng lặng: Là lìa bỏ các tướng kết sử thuộc về Ái, vì các kết phần bên trong (nội môn) - các sử phần bên ngoài (ngoại môn)- phiền não ba cõi trống rỗng các tướng; như vậy gọi là Vô tướng Tam-muội. Cho nên, nguyện cũng dứt: Là nói về Vô nguyện Tam-muội. Vì pháp trong ba cõi đều là vắng lặng, cho nên tâm nguyện cầu tự nhiên vĩnh viễn bất dứt; như vậy gọi là Vô nguyện Tam-muội. Như thị lý quán tuệ định chân như: Là câu tổng kết. Ba thứ như trước đều là lý quán vì không nghiêng về Chỉ quán - năng sở không có hai. Tôn giả thường nói pháp Như Không chân thật tức là thuốc hay: Là phần thứ ba kỹ lưỡng thưa hỏi. Pháp Không như vậy có đủ các công đức chữa trị các kết sử, vì thế cho nên thích ứng chính là thuốc hay.

Kinh: “Phật ngôn: Như thị! Hà dĩ cố? Không cố không tánh vô sanh tâm thường vô sanh, không tánh vô diệt tâm thường vô diệt, không tánh vô trụ tâm diệt vô trụ, không tánh vô vi tâm diệt vô vi, không vô xuất nhập ly chư đặc thất, ám giới nhập đẳng giai tất diệt vô, tâm như bất trước diệt phục như thị. Bồ-tát! Ngã nói chư không phá chư hữu cố”. Đức Phật nói: Đúng như vậy! Tại vì sao? Vì Không cho nên tánh Không không có sanh ra nên tâm thường bất sanh ra, tánh Không chẳng có diệt đi nên tâm thường không diệt đi, tánh Không, chẳng có an trụ nên tâm cũng không an trụ, tánh Không, không có hành động vô vi cũng không là vô vi không không có ra vào lìa bỏ được mất, các ám giới nhập thấy đều cũng không có, Tâm Như không vướng mắc cũng giống như vậy. Nay Bồ-tát! Ta nói các Không vì phá trừ các cái có.

**Luận chếp:** Đây là Như-lai xác định đồng ý. Trong đó có ba: 1. Chung đồng ý. Nói không cố ý là nguyên nhân là vị thuốc hay, chỉ y cứ vào Không cho nên Có lập tức sanh bệnh. Từ “Không tánh v.v...” trở xuống là phần thứ hai đồng ý riêng. Trong đó có hai: trước là nói về uống thuốc Không do đó lìa bỏ tại hoại về quả trôi lăn, sau là nói về uống thuốc Không cho nên chữa trị nhân của bệnh thủ trước. Trong phần đầu nói “Không tánh vô sanh tâm thường vô sanh”: Là vì tâm nhập vào

Không giống như Không không có sanh ra. Lại tùy theo không có diệt đi nên tâm thường không diệt đi. Sanh diệt chính là nghĩa của Vô thường cho nên đảo lại hai tên gọi kia làm Thường vậy. Tâm cũng không trụ: Không những không có tướng đầu và sau mà cũng không có tướng trụ vào trung gian; đây là nói riêng về lìa bỏ ba tướng. Tâm cũng vô vi: Là chung hiển bày lìa bỏ ba tướng hữu vi kia, là nói về uống thuốc Không xa lìa căn bệnh Vô thường. Kế đến nói về cũng xa lìa căn bệnh của Thủ trước. Vô xuất nhập: Là không có sự khác nhau của vượt ra quán - nhập vào quán. Ly đặc thất: Là cũng xa lìa tướng của được mới- mất cũ. Tâm như không chấp mắc cũng giống như thế, Tâm của năng quán cũng như lý Không, không giữ lấy tướng ra-vào - được - mất, không vướng vào pháp của các ấm - giới - nhập, là nói về uống thuốc Không xa lìa căn bệnh chấp trước. Ta nói các Không vì phá các hữu: Là phần thứ ba kết thúc xác định. Chính nơi thật tế lý Không không có hai, nhưng nói các Không là năm - ba hạng, vì để phá trừ căn bệnh của những người mê đắm vào có, tùy theo bệnh rất nhiều cho nên nói về Không cũng như thế. Lại, lý thật chẳng phải Không chẳng thể Không, chỉ vì phá trừ Có nên gượng nói là Không, không phải Không nói về tánh Không còn lại. Dùng hai ý này kết luận giáo pháp về các Không.

Kinh: “Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Tôn giả! Tri hữu phi thật như dương diệm thủy, tri thật phi vô như hoả tánh vương, như thị quán giả thị nhân trí da”. Bồ-tát Địa Tạng nói: Bạch Đức Thế Tôn! Biết có chẳng phải thật như ngọn lửa nổi lên nước (dương diệm thủy), biết thật chẳng phải không có như tánh lửa lớn, người quán như vậy là người trí chăng?

**Luận chép:** Sáu phẩm sáu nghi ngờ lùi lại lần lượt mà giải quyết, giải quyết riêng - chung xác định đã hoàn tất ở trước. Dưới đây là phần thứ hai trong một phẩm ba nghi ngờ theo thứ tự mà xả bỏ, trong đó có ba, nghĩa là trong một phẩm Như-lai-tạng lại khởi lên ba nghi ngờ lần lượt xả bỏ. Nghi ngờ thứ nhất: Nói về trưởng giả Phạm Hạnh kia tụng chép: “Nếu nói pháp có một, như mê muội trái ngược nước lửa”. Lại nói “Nếu thấy pháp không có như người mù đảo điên nói không có mặt trời”. Có khi căn cứ vào tụng kia nói mà sanh khởi nghi ngờ: Trưởng giả là người phạm tục phân định nói ra như vậy, là vọng kiến chẳng, hay là chân trí vậy? Dấy lên nghi ngờ như vậy không bằng lòng tin nhận. Để xả bỏ nghi ngờ kia nên đưa ra việc kia hỏi, dụ về ngọn lửa và nước như trước đã nói. Biết thật chẳng phải vô: Là có thể biết một thật nghĩa -tánh chẳng phải không có. Người kia nói cho rằng không có thật, vì như người mù mê đảo nói là không có mặt trời, thì biết Trưởng giả, biết rõ

thật chẳng phải không có. Nghĩa của chẳng phải không có giống như tánh đứng đầu của lửa, nghĩa là như trong gỗ có tánh hoả đại, phân tích tìm cầu mà không đạt được tánh lửa, nhưng thật thì chẳng thể không có tánh lửa trong gỗ, đi sâu vào mà tìm cầu thì lửa nhất định hiện rõ, một tâm cũng như vậy, phân tích các tướng không thật có tánh của tâm, mà thật thì chẳng thể không có tâm trong các pháp, tu đạo tìm cầu thì một tâm hiển hiện. Như vậy tướng của tánh lửa ẩn kín mà thể lực rộng lớn tựa như vua chúa, cho nên gọi là đứng đầu. Trưởng giả như vậy xa lìa quán hai bên, là người trí chẳng? Thưa hỏi như vậy.

Kinh: “Phật ngôn: Như thị! Hà dĩ cố? Thị nhân chân quán, quán nhất vắng lặng, tướng dữ bất tướng đẳng dĩ không thủ, dĩ tu không cố bất thất kiến Phật, dĩ kiến Phật cố bất thuận tam lưu”. Đức Phật nói: Đúng vậy! Tại vì sao? Vì là người chân thật quán, quán một vắng lặng, tướng và chẳng phải tướng đều dùng Không mà giữ lấy, vì tu Không cho nên không mất đi sự thấy Phật, vì thấy Phật cho nên không thuận theo ba Lưu.

**Luận chếp:** Dưới đây là Như-lai giải quyết nghi ngờ. Trong đó có hai: Giải quyết Trực tiếp và giải thích về giải quyết. Nói Như Thị: Là xác định đúng là người trí. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống giải thích đúng là trí đó. Trong đó có hai: Sơ lược giải thích và giảng nói rộng. Trong phần đầu nói Quán một vắng lặng: Là quán về nghĩa vắng lặng của một tâm pháp. Tướng cùng bất tướng đều giữ lấy không: Là quán có tướng Tục và không có tướng Chân đều không còn, dung hòa làm một, vì tu Không như vậy chính là thuận với tâm Phật. Thường thấy thân Phật, lúc này từng mất đi cho nên nói Không mất sự thấy Phật. Vì thường thấy Phật càng thêm quán Không, quán Không thêm thêm lên thì xa cách ngược lại các cái có, cho nên nói không thuận theo ba. Ba Lưu thâm nhiếp đầy đủ các phiền não của ba cõi, gọi là Dục lưu - Hữu lưu và Vô minh lưu. Đây gọi là ba lưu nghĩa như thường lệ giải thích.

Kinh: “Ư đại thừa trung tâm giải thoát đạo nhất thể vô tánh, dĩ kỳ vô tánh cố không, không cố vô tướng, vô tướng cố vô tác, vô tác cố vô cầu, vô cầu cố vô nguyện, dĩ thị nghiệp cố tịnh tâm, dĩ tâm tịnh cố kiến Phật, dĩ kiến Phật cố đương sanh tịnh độ. Bồ-tát ư thị thâm pháp tam hóa cần tu tuệ định viên thành tức siêu ba cõi”. Ở trong đại thừa ba giải thoát đạo một Thể vô tánh, vì vô tánh cho nên Không, Không cho nên Vô tướng, Vô tướng cho nên Vô tác, Vô tác cho nên Vô Cầu, vì Vô Cầu cho nên Vô Nguyện, theo nghiệp này cho nên tâm thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh cho nên thấy Phật, vì thấy Phật cho nên sẽ sanh về Tịnh độ.

Bồ-tát đối với pháp sâu xa này siêng năng tu ba Không (tam hóa) thành tựu trọn vẹn định tuệ thì vượt ra ba cõi.

**Luận chép:** Đây là phần thứ hai giảng nói rộng ra. Trong đó có hai: Trước là nói về thắng lợi của ba giải thoát đạo, sau là hiển rõ về thắng lợi của ba hóa cần tu. Trong phần đầu nói Nhất thể vô tánh: Là đối chiếu ba giải thoát môn có tánh nhưng Thể khác nhau của hàng Tiểu thừa kia, hiển bày rõ quán hành đồng nhất Thể của hàng Đại thừa Bồ-tát. Lúc quán tâm chứng được vô tánh thuận theo nghĩa giả định nói ra lập nên ba giải thoát. Dựa theo nghĩa quên đi Thể tánh đó lập nên Không giải thoát, quên ngay phần nghĩa (nghĩa môn) về thể tướng lập nên Vô tướng giải thoát, quên ngay phần nghĩa (nghĩa môn) về Thể dụng lập nên Vô tác giải thoát, cũng gọi là Vô nguyện giải thoát, vì hiển bày rõ chỉ có một quán không hề sai khác, đối với Thể tánh tướng - dụng của tất cả các pháp, không có gì không xả bỏ - không có gì không dung hòa. Vì thế cho nên lập ra ba giải thoát môn. Theo nghiệp này nên tâm tịnh: Là vì quên đi tất cả thể - tướng dụng, tâm thường thanh tịnh vượt ra quán trải qua Tục pháp xa lìa các đắm nhiễm, tâm xa lìa đắm nhiễm có thể thấy Báo thân Phật, thấy Báo thân Phật cho nên được sanh đến Tịnh độ. Đây là thắng lợi của ba giải thoát đạo. Bồ-tát đối với pháp sâu xa này, siêng năng tu ba hóa: Nghĩa là ở nơi pháp Không siêng năng tu tập ba Không. Ba Không là gì? Không tướng cũng Không là Hóa tu thứ nhất, Không Không cũng Không là Hóa tu thứ hai, sở Không cũng Không là Hóa tu thứ ba; nghĩa như trước nói cho nên không phân tách bàn luận. Siêng năng tu tập ba Hóa thì thông suốt một tâm, thông suốt một tâm cho nên tuệ - định thành tựu trọn vẹn, địa vị thành tựu trọn vẹn thì vượt ngoài ba cõi. Đây là thắng lợi của siêng năng tu tập ba hóa.

Kinh: “Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Như-lai sở nói vô sanh vô diệt tức thị vô thường, diệt thị sanh diệt, sanh diệt diệt dĩ, vắng lặng vi thường, thường cố bất đoạn, thị bất đoạn pháp ly chư ba cõi động bất động pháp, ư hữu vi pháp như tị hoả khanh, y hà đẳng pháp nhi tự kha trách nhập bỉ nhất môn?” Địa Tạng Bồ-tát chép: Như-lai đã nói vô sanh vô diệt tức là vô thường, diệt đi sanh diệt này, sanh diệt đã diệt đi, vắng lặng là thường, thường cho nên không dứt, pháp không dứt này xa lìa các pháp động và bất động trong ba cõi, đối với pháp hữu vi giống như tránh hầm lửa, dựa vào pháp như thế nào mà tự trách mắng nhập vào một môn kia?

**Luận chép:** Dưới đây là xả bỏ nghi ngờ thứ hai trong phẩm Như-Lai-Tạng đó. Phẩm kia nói “Thấy rõ thức là thường, Thức này thường

vắng lặng, vắng lặng cũng vắng lặng”. Có căn cứ vào văn kia mà sanh ra nghi ngờ: Như vậy pháp vắng lặng thường trụ tuy có thể vui mừng nhưng quả là phẳng lặng ít thấy. Tâm của chúng sanh thô thiển khó điều hòa, như thế nào điều hòa tâm có thể hướng đến môn kia? Thừa dịp nghi ngờ như vậy đẩy lên câu hỏi như vậy. Trong câu hỏi có hai: Đầu tiên nêu lên quả xa, sau là hỏi về nhân nhập vào. Trong phần đầu nói “Vô sanh vô diệt - tức là vô thường”: Tức là lĩnh ngộ lời nói ở trước: Thức này thường vắng lặng, vì xưa nay vắng lặng, là vô sanh vô diệt, mà vốn chẳng phải thường cho nên là vô thường. Diệt sanh diệt này - sanh diệt diệt rồi - vắng lặng thường: Tức là lĩnh ngộ lời nói trước đây: Vắng lặng cũng vắng lặng. Lại chép: Rõ ràng thấy Thức là thường. Từ “Đối với hữu vi pháp v.v...” trở xuống là phần thứ hai chính là hỏi: Hướng về nhập vào môn kia phương tiện trước đây tuy có nói, phương tiện chánh quán mà lại nói sơ lược cho nên lại thỉnh cầu giảng nói rộng ra.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát ư tam đại sự kha trách kỳ tâm, ư tam đại đế nhi nhập kỳ hạnh, Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Vân hà tam sự nhi trách kỳ tâm, vân hà tam đế nhi nhập nhất hạnh? Phật ngôn: Tam sự giả nhất vị nhân, nhị vị quả, tam vị thức. Như thị tam sự tòng bản không vô, phi ngã chân ngã vân hà ư thị nhi sanh ái nhiễm? Quán thị tam sự vi hệ sở phiêu, phiêu lưu khổ hải, dĩ như thị sự thường tự kha trách. Tam đế giả nhất vị Bồ-đề chi đạo thị bình đẳng đế phi bất đẳng đế, nhị vị đại giác chánh trí đắc đế tam vị tuệ định môn nhị hành nhập đế phi tạp hạnh nhập đế. Dĩ thị tam đế nhi tu Phật đạo, thị nhân ư thị pháp vô bất đắc chánh giác, đắc chánh giác trí lưu đại cực từ, kỉ tha câu lợi, thành Phật Bồ-đề”. Đức Phật nói: Bồ-tát đối với ba việc lớn trách mắng tâm đó, đối với ba đế lớn mà nhập vào hạnh đó. Bồ-tát Địa Tạng chép: Thế nào là ba việc mà trách tâm thế nào là ba đế mà nhập vào một hạnh? Đức Phật nói: Ba sự việc ấy một gọi là Nhân, hai gọi là Quả, ba gọi là Thức. Ba việc như vậy thuận theo căn bản là không có, không phải Ngã hay chân Ngã làm sao đối với nơi này mà sanh ra ái nhiễm? Quán xét ba việc này bị trôi buộc làm cho dao động, trôi nổi trong biển khổ, vì ba việc như vậy mà thường tự mình trách mắng. Ba đế ấy, một gọi là đạo Bồ-đề là Bình đẳng đế chẳng phải không đế bình đẳng, hai gọi là Đại giác chánh trí đạt được đế không phải tà trí đạt được đế, ba gọi là tuệ định không khác nhau thật hành nhập vào đế chẳng phải lẫn lộn thật hành nhập vào đế. Dùng ba đế này mà tu Phật đạo, là người đối với pháp này không ai không thật có chánh giác, đạt được chánh giác trí trôi lăn vô duyên Từ hết sức rộng lớn, mình và người đều lợi ích, thành tựu Bồ-đề quả Phật.

**Luận chép:** Văn này có bốn: 1. Thưa hỏi; 2. Trả lời; 3. Thỉnh cầu; 4. Giảng nói. Trong phần giảng nói có hai: Trước là nói về phương tiện trách mắng chán ghét (kha yếm), sau là chỉ ra phương tiện hưởng nhập. Trong phần đầu nói Nhân là nhân của năm Giới - mười điều Thiện. Quả là quả giàu có vui sướng của trời người. Thức ấy là chủ động nắm giữ nhân quả chính là căn bản Thức. Chúng sanh nghĩ rằng đây là nội ngã của mình, nhưng là tánh Không cho nên chẳng phải là Ngã, lý của Vô Ngã mới là Chân Ngã, do đó đối với cái chẳng phải Ngã không nên ái nhiễm. Quán tâm nổi trôi bởi các sự hệ lụy: Nghĩa là vì bốn ràng buộc che chắn lý định tâm, khiến cho ba sự việc này nổi trôi trong biển khổ. Bốn ràng buộc là? Như trong phẩm Đối Pháp Luận Đế chép: “Hệ có bốn thứ là Tham dục thân hệ, sân nhuế thân hệ, giới cấm thủ thân hệ, ở đây thật chấp thủ thân hệ, vì thường chướng ngại định ý tánh thân cho nên gọi là Hệ. Vì sao? Vì từ thân này có thể ngăn cách định tâm tự tánh cho nên gọi là Hệ. Không ngăn cách Sắc thân tại vì sao thường làm nhân cho bốn loại tâm hỗn loạn? Nghĩa là vì tham ái các loại tài vật làm nhân khiến cho tâm tán loạn. Đối với sự đấu tranh không chánh hạnh làm nhân khiến cho tâm tán loạn. Đối với khó thật hành giới cấm khổ não làm nhân khiến tâm tán loạn. Không thể như chánh lý suy xét tìm tòi cảnh giới làm nhân khiến cho tâm tán loạn. Vì y chỉ kia đều kiến chấp khác nhau, đối với những cảnh đã biết không thể như chánh lý ước đoán nhiều loại vọng sanh chấp trước, nói là chỉ có nơi này là chân - còn lại đều là ngu vọng, từ đây là nhân khiến cho tâm phân tán dao động. Phân tán dao động ở đâu? Nghĩa là đối với định tâm như thật tri kiến. “Vì các sự việc ấy, luôn tự trách mình”: Vì trách mắng bốn ràng buộc thường dao động mà chán ghét làm cho trôi lăn ba việc. Đã nói phương tiện trách mắng chán ghét, thế nào là phương tiện hưởng vào? Đó gọi là xem xét tỉ mỉ đối với ba đế. Một gọi là Đạo Bồ-đề là bình đẳng đế chẳng phải không bình đẳng đế, nghĩa là Đức Phật đã chứng tánh Bồ-đề thanh tịnh không có gì không thông suốt yên ổn cho nên gọi là Đạo. Tất cả hữu tình đều cùng tánh này không một ai không thể quay về, là Đạo rốt ráo cho nên nói Bình đẳng không phải bất bình đẳng, đây chính là đối trị phân biệt hưởng về của hàng nhị thừa. Hai gọi là Đại giác chánh trí đạt được đế không phải từ trí đạt được đế, nghĩa là quả Nhất-thiết-trí của bậc Đại Giác chỉ chứng đạt Bình đẳng chánh trí đã đạt được, không phải duyên sâu kín đế rộng lớn có các cảnh tà trí đã đạt được, đây chính là đối trị cái chấp của các ngoại đạo. Ba gọi là tuệ định không khác nhau thật hành nhập vào đế chẳng phải lẫn lộn thật hành nhập vào đế,

nghĩa là lúc đạt được chánh trí nhập vào bình đẳng, tuệ định dung hợp trọn vẹn không có tướng thật hành riêng biệt, mới là chân thật nhập vào bình đẳng để, không phải giống như tâm phân biệt của thế gian, vương - sở Thế sai khác Tuệ - Định hành khác nhau, vì lẫn lộn thật hành như vậy không phải chân thật nhập vào, đây chính là đối trị hạng tăng thượng mạn của thế gian quán hành chưa chứng nói là chứng. Ba thứ như vậy gọi chung là Đố. Quán sát xem xét tỉ mỉ cảnh sở quán. Lần lượt đối trị ba thứ chấp khác nhau như vậy, mới có thể chính là tu tập một Phật đạo cho nên chép: “Dùng ba đố này mà tu Phật đạo”. Kế là nói về quả đã đạt được của tu đạo. Người đối với pháp này không ai đắc chánh giác: Là nói lên quả Trí đức của tự lợi, đối với ba pháp mà tu Phật đạo, chẳng có ai không đạt được quả Chánh giác. Đắc chánh giác trí trôi lăn từ tâm rất lớn: Là nói lên quả Ân đức của lợi tha, trôi lăn rộng khắp vô duyên. Từ rộng lớn cùng cực, vì khắp nơi tất cả pháp giới không đâu không được lợi ích. Minh người đều lợi thành Phật Bồ-đề: Là tổng kết hai đức trước, hai lợi đầy đủ trọn vẹn, thành tựu quả vị Đẳng Giác.

Kinh: “Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Tôn giả! Như thị chi pháp tức vô nhân duyên, nhược vô duyên pháp nhân tức bất khởi, vân hà bất động pháp nhập Như-lai?”. Bồ-tát Địa Tạng nói: Bạch Đức Thế Tôn! Pháp như vậy tức là không có nhân duyên, nếu pháp không có duyên thì nhân sẽ không khởi lên, thế nào là pháp bất động nhập vào Như-lai?

**Luận chép:** Dưới đây là xả bỏ nghi ngờ thứ ba trong phẩm Như-lai-tạng kia. Như phẩm kia tụng cuối cùng nói “Chuyển sở thủ năng thủ - nhập vào Như-lai-tạng”. Có căn cứ vào giảng nói ở đây mà nghi ngờ nơi kia: Để bình đẳng của Đạo Bồ-đề trong phẩm này chính là năng lực nhân duyên không đối đãi trong phẩm Như-lai-tạng, vì sao phẩm kia chuyển đổi nhân của năng sở mà có thể được nhập vào pháp Như-lai-tạng? Có dấy lên nghi ngờ này cho nên thừa dịp hỏi về nơi kia không có vô nhân duyên: Là do bình đẳng cho nên không thuận theo nhân duyên. Lại, bình đẳng cho nên lập tức không có duyên nào khác, duyên khác không có cho nên nhân không thể khởi lên, vì sao đối với kia không có pháp khởi động, mà sử dụng nhân duyên được nhập vào Như-lai? Nếu sử dụng năng lực của nhân để nhập vào, thì chính là đối đãi vì nhân duyên không phải là bất động.

Kinh: “Nhĩ thời Như-lai dục tuyên thử nghĩa nhi nói kệ ngôn: Nhất thiết chư pháp tướng, tánh không vô bất động, thị pháp ư thị thời, bất ư thị thời khởi, pháp vô hữu dị thời, bất ư dị thời khởi, pháp vô động bất động, tánh không cố vắng lặng, tánh không vắng lặng thời, thị pháp thị



thời hiện, ly tướng cố tịch trụ, tịch trụ cố bất duyên”. Lúc bấy giờ Đức Như-lai muốn nói ra nghĩa này nên nói kệ: Tướng của tất cả các pháp, tánh Không không có bất động, pháp này ở tại lúc này, không khởi lên vào lúc này, pháp không có lúc khác nhau, không khởi lên vào lúc khác, pháp không có động - bất động, tánh Không cho nên vắng lặng, vào lúc tánh Không vắng lặng, pháp này lúc này hiện rõ, lia tướng cho nên tịch trụ, tịch trụ vì thế không duyên.

**Luận chếp:** Dưới đây chính là Như-lai thức giải quyết những nghi ngờ. Nói ra sự bình đẳng bất động đó mà có nghĩa được nhập vào. Trong tám bài tụng thì có hai phần: Ba hàng trước giảng nói sơ lược, năm hàng sau giảng nói rộng ra. Trong phần sơ lược có hai: Hai hàng trước nói về nghĩa Bất động, một hàng tụng sau nói về nghĩa Đắc nhập. Hai hàng trước có ba: Đó là nêu lên - giải thích - kết luận. Hai câu đầu tiên nêu lên nghĩa Bất động. Bốn câu tiếp giải thích về nghĩa Bất động. “Pháp này ở lúc này, ở lúc này không khởi”: Thị thời là nói đến đời này (thử thế), đời này tức là hiện tại bây giờ. Thời gian hiện tại không bao giờ có tạm trụ, tinh tế trừ bỏ dĩ vãng và vị lai thì không có phần giữa, như trừ bỏ thời gian không có nơi trung gian, cho nên ở tại lúc này không thể nào có khởi lên. Pháp không có lúc khác, ở lúc khác không khởi: Nói lúc khác là điều mà người ta gọi là quá khứ - vị lai. Vị lai chưa có cho nên không có nghĩa của Khởi. Quá khứ đã không còn cũng không có nghĩa của Khởi. Căn cứ vào đạo lý này nên pháp không có khởi động. Đã không có cái động của sanh khởi thì cũng không vĩnh cửu trụ vào bất động, cho nên nói “Pháp không có động, bất động - tánh không nên vắng lặng”, hai câu này là kết luận nghĩa Bất động. Kế đến một hàng tụng sau nói về nghĩa Đắc nhập. “Tánh không khi vắng lặng”: Lúc rõ ràng thấy tánh Không vắng lặng, pháp bất động lúc này hiển hiện. Hiển hiện nơi tâm cho nên nói là đắc nhập. Như vậy nữa trên nói về nghĩa Đắc nhập. Nhưng ở đây nói về pháp xa lìa tất cả các tướng, xa lìa các tướng cho nên vắng lặng mà an trụ, an trụ vắng lặng cho nên không bao giờ thuận theo duyên. Vì thế cho nên tuy có nhập vào mà không phước bỏ nghĩa Ly duyên. Như vậy nữa dưới hiển bày nghĩa Ly duyên vậy.

Kinh: “Thị chư duyên khởi pháp, thị pháp duyên bất sanh, nhân duyên sanh diệt vô, sanh diệt tánh vắng lặng, duyên tánh năng sở duyên, thị duyên bốn duyên khởi, cố pháp khởi phi duyên, duyên vô khởi diệt nhĩ, nhân duyên sở sanh pháp, thị pháp thị nhân duyên, nhân duyên sanh diệt tướng, bỉ tức vô sanh diệt”. Đây là các pháp duyên khởi, pháp này duyên với bất sanh, nhân duyên sanh diệt không có, sanh diệt tánh

không vắng lặng, duyên tánh năng duyên sở duyên, duyên này vốn là duyên khởi, cho nên pháp khởi không duyên, duyên không khởi cũng vậy, nhân duyên vốn sanh ra pháp, pháp này đều là nhân duyên, tướng sanh diệt của nhân duyên, kia chính là bất sanh diệt.

**Luận chếp:** Dưới đây là phần thứ hai giảng nói rộng ra. Trong đó có hai: Ba tụng trước này mở rộng về nghĩa Bất động, hai tụng sau đó giảng nói về nghĩa Đắc nhập. Trong phần đầu cũng có hai: Đó là hai tụng trước mở rộng vốn không đạt được để nói về Bất động, một tụng sau đỗi theo cuối cùng không đạt được nói về Bất động. Trong phần trước có ba: Đó là nêu lên - giải thích về kết luận. Đầu tiên chếp: “Đều là các pháp duyên khởi, pháp này duyên với bất sanh”: Là nêu lên các quả pháp duyên đó bất sanh khởi. Kế là có bốn câu giải thích về nghĩa Bất sanh. “Nhân duyên sanh diệt không có”: Là nói về các nhân duyên sanh diệt không dừng lại (trụ) cho nên không có công năng sanh ra quả. “Sanh diệt tánh Không vắng lặng: Vì không dừng lại cho nên không có sanh diệt, tánh Không vắng lặng do đó cũng bất sanh ra quả. “Duyên tánh năng, sở duyên”: Hạt giống nhân duyên ẩn nấp sâu xa gọi là Tánh, gốc rễ tăng thượng duyên thường đối diện cảnh giới cho nên gọi là năng duyên, gốc rễ vốn duyên với cảnh giới đã đối diện cho nên gọi là Sở duyên. Lần lượt duyên pháp diệt cho nên không luận đến. Như vậy hạt giống tánh duyên cùng hai duyên năng sở đó đều là sự phát khởi của bốn duyên, cho nên chếp: “Duyên này vốn là duyên khởi”. Duyên này chính là nguồn gốc đó, các duyên cũng giống như trước nói. Sanh diệt tánh là không cho nên không có công dụng sanh ra. Căn cứ vào ba nghĩa này nên duyên không có nghĩa sanh ra. Nên pháp khởi không phải duyên”: Là kết luận quả pháp khởi lên không phải sanh ra từ duyên: “Duyên không khởi cũng vậy”: Kết luận về duyên không có khởi lên cũng giống như quả đó. Kế là có một tụng đỗi theo rốt ráo không đạt được, để nói về Bất động. Pháp do nhân duyên sanh - pháp ấy là nhân duyên”: Là nói về các quả pháp cũng là nhân duyên, vì hướng về pháp sanh sau mà làm duyên. Các quả pháp này đã là nhân duyên tức là giống như trước chếp: Sanh diệt tánh là không cho nên chếp: “Tướng sanh diệt của nhân duyên kia chính là vô sanh diệt. Lúc trước sơ lược nói vì trực tiếp nói về quả Không, lúc này mở rộng dựa sát vào nhân duyên mà nói là muốn hiển bày nhân quả bất động của các pháp tức là đạo Bồ-đề bình đẳng, không phải ngoài pháp này cầu tìm Bồ-đề khác, là nói về đại ý của kệ này. Như pháp sư Tăng Triệu nói: Đạo xa vời quá chẳng, xúc sự mà chân thật; Thánh xa vời quá chẳng, Thể đó chính là

thần rồi!”

Kinh: “Bỉ như chân thật tướng, bốn bất ư xuất một, chư pháp thị thời, tự sanh ư xuất một, thị cố cực tịnh bốn, bốn bất nhân chúng lực, tức ư hậu đắc xứ, đắc đắc ư bốn đắc”. Như kia là tướng chân thật, vốn không quay về ẩn hiện, các pháp ở tại lúc này, tự sanh ra từ ẩn hiện, vì thế vốn là cực tịnh, vốn không nhờ vào các lực, thì đối với nơi hậu đắc, đạt được cái được vốn được.

**Luận chép:** Hai tụng này là giảng nói về nghĩa Đắc nhập. Trong đó có hai: 1. Một tụng đối với các pháp có biến động nói về Như bất động. 2. Hai câu nói về xa lìa duyên pháp có nghĩa Đắc nhập. Hậu đắc xứ: Gọi là Đạo hậu xứ. Trong phần sơ lược giảng nói trước đây nói “Vắng lặng thời” chính là Hán dịch xứ của hậu đắc. Đã là vắng lặng sao có xứ thời, nhưng xa lìa Thời xứ cho nên gởi gắm vào Thời Xứ mà thôi. Đắc đắc ư bốn đắc: Rốt ráo Thỉ Giác cho nên gọi là Đắc, đây là Năng đắc. Rốt ráo Thỉ Giác cũng đồng với Bốn Giác. Vì điều này cho nên nói là Đắc ở đắc vốn có. Trên đây là phần thứ ba giải quyết nghi ngờ xong.

Kinh: “Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát văn Phật sở nói, tâm địa khoái nhiên, thời chư chúng đẳng vô hữu nghi giả, tri chúng tâm dĩ nhi nói kệ ngôn: Ngã tri chúng tâm nghi, sở dĩ ân cố vấn, Như-lai đại từ thiện, phân biệt vô hữu dư, thị chư nhị chúng đẳng, giai tất đắc minh liễu, ngã kim ư liễu xứ, phổ hóa chư chúng sanh, như Phật chi đại bi, bất xả ư bốn nguyện, cố ư nhất tử địa, nhi trụ ư phiến não”. Bấy giờ, Bồ-tát Địa Tạng nghe những điều Đức Phật đã nói, tâm địa thư thái, lúc ấy các chúng đều không có người nghi ngờ, biết rõ tâm chúng rồi bèn nói kệ: Con biết tâm mọi người nghi, cho nên tha thiết thưa hỏi, Như-lai hết sức yêu thương, phân tích không có gì còn, các hàng trong hai chúng này, thấy đều hiểu được rõ ràng, con nay ở nơi hiểu rõ, hóa độ khắp mọi chúng sanh, như đại bi của Đức Phật, không xả bỏ nơi bốn nguyện, nên đối với nơi con ở, mà trụ trong phiến não.

**Luận chép:** Đây là phần thứ tư lĩnh ngộ hiểu rõ. Trong ba bài tụng này thì có hai phần: Một bài tụng rưỡi trước là kết luận về lời ích giải quyết nghi ngờ ở trước, một tụng rưỡi sau là trình thưa về hạnh hóa độ rộng khắp sau này. Nhất tử địa: Là từ Sơ Địa trở lên, đã chứng tất cả chúng sanh bình đẳng nhìn các chúng sanh như nhìn con một; đây gọi là Thanh tịnh tăng thượng ý lạc, nương vào dụ bày tỏ gọi là Nhất tử địa. Mà trụ ở phiến não: Bồ-tát tuy đạt được các pháp bình đẳng, mà dùng lực phương tiện không xả bỏ phiến não, nếu xả bỏ tất cả phiến não tùy

miên nhân tiện vào Niết-bàn là trái với bốn nguyện. Như trong Du-già Luận Tam Ma Sát Đa Quyết Trạch chép: “Diệt tận Đẳng chí nên nói là vô lậu, vì cùng với phiền não không tương ứng, vì không phải tương ứng, vì không có sở duyên, vì không phải sanh ra từ các phiền não, là xuất thế gian tất cả phàm phu không có thể thật hành, chỉ ngoại trừ đã nhập vào Viễn Địa Bồ-tát. Bồ-tát tuy có thể khởi lên pháp xuất thế làm cho hiện rõ ở phía trước, nhưng bởi lực phương tiện thiện xảo cho nên không xả bỏ phiền não”. Xét rằng: Trong này nói Bất xả: Là không phải rốt ráo xả, như hàng La-hán, cho nên nói là Bất xả không phải hoàn toàn bất xả, cho nên nói là Bất xả. Trong này thấy đều nói rõ, như chương Nhị Chương giải thích, vì Bất xả cho nên nói là Trụ phiền não, do vậy không nhập vào Niết-bàn mà hóa độ rộng khắp mười phương giới. Trong một quyển kinh này nói có ba phần, phần thứ hai là chánh Nói hoàn tất ở tại nơi trước vậy.

Kinh: “Nhĩ thời Như-lai nhi cáo chúng ngôn: Thị Bồ-tát giả không thể nghĩ bàn, hằng dĩ đại bi bạt chúng sanh khổ; nhược hữu chúng sanh trì thị kinh pháp, trì thị Bồ-tát danh, tức bất đoạ ư ác thú, nhất thiết chương nạn giai tất trừ diệt; nhược hữu chúng sanh vô dư tạp niệm chuyên niệm thị kinh như pháp tu tập, nhĩ thời Bồ-tát thường tác hóa thân nhi vị nói pháp, ủng hộ thị nhân chung bất tạm xả, linh thị nhân đẳng tốc đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề”. Lúc ấy, Đức Như-lai liền nói cho mọi người biết: Vị Bồ-tát này không thể nghĩ bàn, thường dùng Đại bi bạt trừ khổ đau cho chúng sanh; nếu có chúng sanh trì kinh pháp này, trì danh hiệu Bồ-tát này, thì không đoạ vào đường ác, tất cả chương nạn thấy đều trừ diệt; nếu có chúng sanh không còn lại những ý niệm tạp loạn chuyên chú niệm tụng kinh này như pháp tu tập, lúc ấy Bồ-tát thường hiện Hóa thân mà vì họ nói pháp, ủng hộ người này thường không lúc nào lìa bỏ, khiến cho người này cùng mau chóng đạt được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ ba gọi là phần Lưu Thông. Trong đó có sáu: 1. Khen ngợi người lưu thông; 2. Khuyến khích chúng hội lưu thông; 3. Lập thành tên gọi lưu thông; 4. Thọ trì lưu thông; 5. Sám hối lưu thông; 6. Vãng hành lưu thông. Đây chính là phần thứ nhất khen ngợi người lưu thông. Khen ngợi chủ thể (năng) lưu thông kinh này là vị Bồ-tát có bốn loại thắng đức: 1. Công đức Đại bi hóa độ rộng khắp tất cả; 2. Công đức riêng lợi ích cho người trì kinh này; 3. Công đức hóa thân nói pháp; 4. Công đức làm cho đạt được cực quả.

Kinh: “Nhữ đẳng Bồ-tát nhược hóa chúng sanh giai linh tu tập như

thị Đại thừa quyết định liễu nghĩa”. Bồ-tát các ông nếu hóa độ chúng sanh đều khiến cho tu tập Đại thừa quyết định liễu nghĩa như vậy.

**Luận chép:** Đây là phần thứ hai khuyến khích chúng hội lưu thông. Quyết định liễu nghĩa: Là nói về sâu xa nhất cùng cực nhất, không có thể hơn được nữa.

Kinh: “Nhĩ thời A-nan tùng toà nhi khởi tiền bạch Phật ngôn: Như-lai sở nói Đại thừa phước tụ quyết định đoạn kết vô sanh giác lợi không thể nghĩ bàn, như thị chi pháp danh vị hà kinh, thọ trì thị kinh đắc kỉ sở phước, nguyện Phật từ bi vi ngã giảng nói!” Lúc ấy A-nan từ chỗ ngồi mà đứng lên về phía trước thưa với Đức Phật: Như-lai đã nói về Đại thừa phước tụ - quyết định đoạn kết - vô sanh giác lợi không thể nghĩ bàn, pháp như vậy gọi là kinh gì, thọ trì kinh này được bao nhiêu phước, nguyện xin Đức Phật từ bi giảng giải nói ra cho con!

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ ba lập thành tên gọi lưu thông. Trước là thưa hỏi - sau là trả lời. Trong phần thưa hỏi cũng có hai: Trước lĩnh ngộ - sau thưa hỏi. Trong phần lĩnh ngộ thì nói về bốn loại công năng thù thắng của kinh này: 1. Thường khiến cho người thọ trì đạt được vô lượng phước, như kinh nói “Đại thừa phước tụ”. 2. Thường làm cho người thọ trì vĩnh viễn dứt trừ các kết sử, như kinh nói “Quyết định đoạn kết”. 3. Tông chỉ đã giải thích là Bốn giác lợi, như kinh nói “vô sanh giác lợi”. 4. Giáo thường giải thích khó có thể suy lường, như kinh nói “Bất khả tư nghị”. Kế là trong phần thưa hỏi - hỏi về hai sự việc: Trước là hỏi về tên kinh, vì biết nội dung quan trọng của kinh; sau là hỏi về phước thọ trì, vì trì kinh cầu phước.

Kinh: “Phật ngôn: Thiện nam tử, thị kinh danh giả không thể nghĩ bàn, quá khứ chư Phật chi sở hộ niệm, năng nhập Như-lai Nhất-thiết-trí hải, nhược hữu chúng sanh trì thị kinh giả tức ư nhất thiết kinh trung vô sở hy cầu, thị kinh điển pháp tổng trì chúng pháp, nhiếp chư kinh yếu, thị chư kinh pháp pháp chi hệ tông, thị kinh danh giả danh nhiếp Đại thừa kinh, hựu danh Tam-muội Kim Cương, hựu danh vô lượng nghĩa tông”. Đức Phật nói: Này người thiện nam, tên gọi kinh này là không thể nghĩ bàn, được chư Phật quá khứ hộ niệm, có thể hòa vào biển Nhất-thiết-trí của Như-lai; nếu có chúng sanh thọ trì kinh này thì tức là ở trong tất cả các kinh không có gì cầu tìm mong mỏi, kinh này là pháp chuẩn mực nắm giữ toàn bộ các pháp, thâm nhiếp các kinh quan trọng, là tông chỉ gắn liền với các kinh pháp, tên kinh này gọi là Nhiếp Đại thừa Kinh, còn gọi là Tam-muội Kim Cương, lại gọi là Vô Lượng Nghĩa Tông.

**Luận chép:** Dưới đây là trong phần trả lời có hai, vì như thứ tự

đó trả lời hai câu hỏi. Trong phần đầu cũng có hai: Trước là khen ngợi danh nghĩa, sau là chính thức lập nên tên gọi. Trong phần trước cũng có hai: Đầu là chung khen ngợi tên gọi, sau là hiển bày riêng về nghĩa. Từ “Năng nhập v.v...” trở xuống là hiển bày riêng nghĩa, tức là hiển rõ ba nghĩa. Từ “Năng nhập Như-lai trí hải” cho đến “Vô sở hy cầu”: Là nói về nghĩa của tên gọi Tam-muội Kim Cương, không có pháp nào không thể làm hỏng - không có lý nào không thể cùng tận, do vậy khiến cho hòa vào biển trí của Như-lai, vượt qua đây càng không có gì hy vọng. “Kinh này... các kinh quan trọng”: Là hiển bày nghĩa của tên gọi Nhiếp Đại thừa Kinh. Là tông chỉ các kinh pháp: Là hiển bày nghĩa của tên gọi Vô Lượng Nghĩa Tông. Nghĩa hai tên gọi này có gì sai khác? Ấy là trước nói về nghĩa thâm nhiếp rộng các kinh, sau nói về tông chỉ cao nhất của các kinh. Kế đến lập thành ba tên gọi trong đó thấy đều biết rõ, trong hai môn ở văn trước đã nói rộng ra.

Kinh: “Nhược hữu nhân thọ trì kinh điển giả tức danh thọ trì bách thiên chư Phật, như thị công đức thí như hư không vô hữu biên tế, không thể nghĩ bàn, ngã sở chúc luy duy thị kinh điển”. Nếu có người thọ trì kinh điển này ấy chính gọi là thọ trì trăm ngàn chư Phật, công đức như vậy ví như hư không không có giới hạn, không thể nghĩ bàn được, Ta đã nhiều lần dặn dò chỉ có kinh điển này.

**Luận chép:** Đây là trả lời câu hỏi thứ hai. Trong đó chính là hiển bày bốn loại thắng đức: 1. Trì Phật thắng đức, vì kinh này thường thâm nhiếp tâm của chư Phật, như kinh nói “Thọ trì bách thiên chư Phật”. 2. Quảng đại thắng đức, như kinh nói “Vô hữu biên tế”. 3. Sâu xa thắng đức, như kinh nói “Bất khả tư nghị”. 4. Vô tử thắng đức, như kinh nói “Chỉ có kinh điển này”.

Kinh: “A-nan ngôn: Vân hà tâm hành, vân hà nhân giả thọ trì thị kinh? Phật ngôn: Thiện nam tử! Thọ trì thị kinh giả thị nhân tâm vô đắc thất, thường tu phạm hạnh, nhược ư hý luận, thường lạc tịnh tâm, nhập ư tụ lạc, tâm thường tại định, nhược xứ cư gia, bất trước tam hữu”. A-nan chép: Tâm hành thế nào, người ấy thọ trì kinh này thế nào? Đức Phật nói: Nay người thiện nam! Người thọ trì kinh này là người mà tâm không có được - mất, thường xuyên tu các phạm hạnh, nếu ở nơi hý luận, tâm thường thanh tịnh yên vui, nhập vào chốn Tu-lạc, tâm thường đang định; nếu chung sống ở nhà không đắm vào ba cõi.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ tư thọ trì lưu thông. Trong đó có hai: 1. Chính thức nói về thọ trì; 2. Lập đi lập lại tiếp tục hiển bày. Trong phần đầu cũng có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong phần hỏi

cũng có hai: Trước là hỏi về tâm hạnh của người thọ trì kinh sau hỏi về phước lợi của người thọ trì kinh. Trong phần trả lời lần lượt trả lời hai câu hỏi này. Trong phần đầu chính là nói về năm loại tâm hạnh: 1. Tâm vô đắc thất: Là vì không quán sát đúng sai tốt xấu của người khác. 2. Thường tu phạm hạnh: Vì bên trong tu hạnh thanh tịnh của xa lìa tướng. 3. Thường lạc tịnh tâm: Vì quyết định bởi động hay bất động. 4. Tâm thường tại định: Vì nơi ở nhiễm tạp mà không thể nhiễm tạp.

Kinh: “Thị nhân hiện thế hữu ngũ chủng phước: Nhất giả chúng sở tôn kính, nhị giả thân bất hạnh yếu, tam giả biện đáp tà luận, tứ giả lạc độ chúng sanh, ngũ giả năng nhập Thánh đạo. Như thị nhân giả thọ trì thị kinh”. Người này đời hiện tại có năm loại phước: 1. Được mọi người tôn kính; 2. Thân không bất ngờ chết non; 3. Giải thích đối tà luận; 4. Vui mừng hóa độ chúng sanh; 5. Có thể nhập vào Thánh đạo. Như vậy người ấy thọ trì kinh này.

**Luận chép:** Đây là trả lời câu hỏi thứ hai, tùy theo năm hạnh trước đạt được năm phước này. Được mọi người tôn kính: Là vì người đó không quan sát sự đúng sai tốt xấu của mọi người. Thân không bất ngờ yếu: Là vì người đó thường tu hạnh xa lìa tướng. Giải thích tà luận: Là vì tâm vui với yên tĩnh. Vui độ chúng sanh: Là vì nhập vào - tản ra thường an định. Năng nhập Thánh đạo: Là vì không mê đắm ba cõi.

Kinh: “A-nan ngôn: Như bỉ nhân giả độ chúng sanh đắc thọ cúng bất? Phật ngôn: Như thị nhân giả năng vị chúng sanh tác đại phước điền, thường hành đại trí quyền thật câu diễn thị tứ y tăng, ư chư cúng dường mãi chí đầu mục tửy não diệc giai đắc thọ hà hướng y thật nhi bất đắc thọ? Thiện nam tử! Như thị nhân giả thị nữ tri thức, thị nữ kiều lương, hà hướng phạm phu nhi bất cúng dường?”. A-nan chép: Như điều kia người ấy độ các chúng sanh được thọ nhận cúng dường hay không? Đức Phật nói: Người như vậy có thể vì chúng sanh làm ruộng phước lớn, thường thật hành đại trí quyền thật cùng giảng nói về Tứ y Tăng, đối với các thứ cúng dường cho đến đầu mắt tửy não cũng đều có thể thọ nhận hưởng chi y phục thật phẩm mà không có thể thọ nhận? Nay người thiện nam! Người như vậy là tri thức của ông, là chiếc cầu của ông, hưởng chi phạm phu mà không cúng dường?

**Luận chép:** Dưới đây là lập đi lập lại tiếp tục hiển bày. Trong đó có hai: Trước là nói về Thế của ruộng phước, sau là nói về công năng sanh khởi phước. Đây chính là phần đầu vậy. Tứ y Tăng: Y thứ nhất là có đủ tánh phiền não, địa vị ở tại Địa Tiền, ba Y còn lại địa vị ở tại Địa Thượng. Như kinh Niết-bàn đã nói nhiều về điều đó.

Kinh: “A-nan ngôn: Ư bỉ nhân sở thọ trì thị kinh, cúng dường thị nhân đắc kỉ sở phước? Phật ngôn: Nhược phục hữu nhân trì dĩ mãn thành kim ngân nhi dĩ bố thí, bất như ư thị nhân sở thọ trì thị kinh nhất tứ cú kệ, cúng dường thị thân”. A-nan chép: Đối với người ấy đã thọ trì kinh này, cúng dường người này đạt được bao nhiêu phước? Đức Phật nói: Nếu có người cầm theo vàng bạc đầy thành để mà bố thí, không bằng đối với sự thọ trì một bài kệ bốn câu trong kinh này mà, cúng dường người này.

**Luận chép:** Đây là thứ hai nói về người trì kinh thường sanh ra nhiều phước. Dùng vàng bạc đầy thành giúp cho người không trì kinh thì phước đạt được không bằng phước đạt được từ sự cúng dường một bữa ăn một tấm áo cho người trì một bài kệ bốn câu trong kinh này.

Kinh: “Thiện nam tử! Linh chư chúng sanh trì thị kinh giả tâm thường tại định bất thất bổn tâm, nhược thất bổn tâm tức đương sám hối, sám hối chi pháp thị vi thanh lương”. Nay người thiện nam! Người khiến cho các chúng sanh trì kinh này tâm thường ở trong định không mất đi tâm vốn có, nếu mất đi tâm vốn có thì nên sám hối, pháp sám hối thật là mát mẻ.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ năm sám hối lưu thông. Trong đó có hai: Trước là khen ngợi công đức sám hối, hai là hiển bày lại. Trong phần đầu nói mát mẻ: Dứt trừ nhân bất thiện vẫn đặng nên trong trẻ, xa lìa quả sanh tử nóng bức phiền muộn cho nên mát mẻ.

Kinh: “A-nan ngôn: Sám hối tiên tội bất nhập ư quá khứ dã Phật ngôn: Như thị! Do như ám thất nhược ngộ minh đăng ám tức diệt hĩ. Thiện nam tử! Vô nói hối tiên sở hữu chư tội nhi dĩ vi nói nhập ư quá khứ?”. A-nan chép: Sám hối tội trước không nhập vào quá khứ. Đức Phật nói: Đúng vậy! Giống như căn phòng tối nếu gặp đèn sáng thì bóng tối lập tức tan biến. Nay người thiện nam! Không nói sám hối các tội lỗi vốn có trước kia mà lại cho là nói nhập vào quá khứ?

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai tục hiển bày lại. Trong đó có hai lần hỏi - đáp. Lần đầu nói về đạo lý sám hối đó, lần sau nói về hành pháp sám hối đó. Trong lần hỏi này ý chép: Sám hối tội lỗi trước kia gọi là sám hối, thì tội lỗi trước kia không nhập vào quá khứ hay chăng? Nếu trước kia không phải bây giờ do đó nhập vào quá khứ ấy, vì sao đối với tội lỗi không có mà lại có sám hối vậy? Trong phần trả lời nói như vậy: Vì như vậy tội lỗi trước kia không nhập vào quá khứ, không thể đối với không có mà lại có sám hối. Vì sao? Vì những tội lỗi đã gây ra trước kia hun đúc ở tại bổn Thức, hạt giống thường trôi lăn tùy ở hiện



tại, do lý này mà không nhập vào quá khứ. Tạm thời bây giờ sám hối, có thể chữa trị lúc sanh ra khiến cho hạt giống tội lỗi kia không thể trôi lăn hiện tại, như đèn vào lúc phát sanh thì bóng tối trong căn phòng mới diệt mất. Vì hạt giống tội lỗi không đến từ hiện tại này, lúc này mới nói làm cho nhập vào quá khứ, mà không nói sám hối tội lỗi đã gây ra trước kia vậy. Tội lỗi vốn có trước kia không phải sám hối mà dứt trừ được, vì không có thể khiến cho tội lỗi kia không phải có ở trước, nhưng tội lỗi đó có trước kia làm cho không đến được hiện tại, không đến được hiện tại là do sự thật hành của sám hối. Điểm này cùng với nghĩa của dứt trừ kết sử khác nhau là vì nghĩa kia dựa theo đạo lý sanh diệt, làm cho điều chưa phát sanh không đến được hiện tại, vì ở đây dựa sát vào lý tương tục, làm cho điều có trước kia không đến được hiện tại. Lại, dứt trừ kết sử ấy là dứt trừ hẳn hạt giống; sám hối tội lỗi trước kia ấy làm cho khuất phục giảm bớt hạt giống, vì dụng tăng cường không đến được hiện tại. Dựa theo nghĩa này nói là nhập vào quá khứ vậy.

Kinh: “A-nan ngôn: Vân hà danh vi sám hối? Phật ngôn: Y thử kinh giáo nhập chân thật quán, nhất nhập quán thời chư tội tất diệt, ly chư ác thú, đương sanh tịnh độ, tức thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề”. A-nan chép: Thế nào gọi là sám hối? Đức Phật nói: Dựa vào kinh giáo này nhập vào chân thật quán, lúc chuyên nhất nhập vào quán thì các tội lỗi đều dứt trừ, xa lìa các đường ác sanh về Tịnh độ, mau thành tựu quả vị A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

**Luận chép:** Đây là phần thứ hai thực hành pháp sám hối. Trong phần trả lời có hai: Trước nói về hành pháp, sau chỉ ra thắng lợi. Trong phần đầu nói “Dựa vào kinh giáo này nhập chân thật quán”: Nghĩa là dựa vào giáo chỉ của kinh Tam-muội Kim Cương phá bỏ tướng các pháp gọi là nhập vào chân thật. Đây là tương tự chân quán của Địa Tiên. Lúc chuyên nhất nhập quán này, các tội đều diệt: Tất cả tội chướng đều từ vọng tưởng sanh ra, nay phá bỏ các tướng nhập vào quán sát chân thật, lập tức phá bỏ tất cả cảnh giới vọng tưởng, cho nên các tội lỗi cùng lúc diệt sạch không còn. Kế là nói về thắng lợi thì có hai câu: Lìa các đường ác sẽ sanh về Tịnh độ: Là nói về Hoa báo, Chóng thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề: Là nói về quả báo.

Kinh: “Phật nói thị kinh dĩ, nhĩ thời A-nan cập chư Bồ-tát tứ bộ đại chúng giai đại vui mừng, tâm đắc quyết định, đảnh lễ Phật túc, vui mừng phụng hành”. Đức Phật nói kinh này xong, lúc ấy A-nan và các Bồ-tát cùng bốn bộ đại chúng đều rất vui sướng, tâm được quyết định, đầu lạy dưới chân Phật, vui vẻ vâng hành.

**Luận chép:** Đây là phần thứ sáu vâng hành lưu thông. Trong đó có bốn câu: “Đều rất vui mừng” là vì nghe pháp nên vui mừng. Tâm đắc quyết định là vì xa lìa các nghi hoặc. Đảnh lễ chân Phật, trọng pháp kính người. Vui mừng vâng hành: Lúc thật hành càng vui thích.

Giáo Kim Cương sâu thẳm mà lại tinh vi, nay kế thừa niềm tin sơ lược ghi lại, nguyện cầu gốc lành này rộng khắp pháp giới, lợi ích cho tất cả không ai thiếu sót!

-----

Kính vì phúc đức không bờ mé, cung thất ngưng khánh chúc, không khí trần ai mãi mãi dừng, chính quyền dân chúng được thái bình, mặt trời soi phúc hưởng công bằng, bốn biển cùng khởi thông tuổi thọ, núi cao to cùng nhau cao mãi. Lại nguyện, nước mắt mẹ goá đạt tới tôi tớ cửa Phật, biến đổi rên rỉ trở thành tiếng ca hưởng về, hằng năm có khắc chạm lâu dài, bản in làm ý niệm coi trọng, kinh này trích từ Cù Cung, phát khởi nguyện nhân trừ tật bệnh. Lại nguyện, phổ biến rộng khắp pháp giới hàm sinh, đời đời không nghe âm thanh bệnh tật, không ở trong bào thai, thường dạo chơi nơi cõi nước thanh tịnh tuyệt diệu của Chư Phật.

Ngày mồng 5 tháng 8 năm Giáp Thìn - Ưu-bà-tắc Trịnh Ân ghi.

